ĐỘT PHÁ THỂ CHẾ - BỨT PHÁ THỰC THI: DẤU ẤN CẢI CÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN GIAI ĐOẠN 2018 - 2025

TS. Lê Hùng Sơn*

Sau hơn 7 năm triển khai Nghị quyết số 28-NQ/TW và hơn 2 năm triển khai Nghị quyết số 42-NQ/TW, cải cách bảo hiểm xã hội (BHXH) và bảo hiểm tự nguyện (BHTN) đạt nhiều chuyển biến rõ nét, hình thành nền tảng quan trọng cho hiện đại hóa an sinh xã hội. Quy mô bao phủ được mở rộng, nhóm tham gia đa dạng hơn; việc giải quyết và chi trả chế độ bảo đảm kịp thời, đúng luật, qua đó tăng cường niềm tin của người lao động và doanh nghiệp. Cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số tạo bước tiến mạnh trong đơn giản hóa quy trình và nâng cao chất lượng phục vụ. Hệ thống dữ liệu được kết nối, hỗ trợ hiệu quả cho quản trị chính sách. Công tác quản lý và đầu tư quỹ được chú trọng tính an toàn và bền vững; bộ máy tổ chức tiếp tục tinh gọn, chuyên nghiệp. Bài viết phân tích những kết quả nổi bật này từ góc độ thể chế, quản trị và vận hành; đồng thời nhận diện các yếu tố tác động như già hóa dân số, biến động thị trường lao động, yêu cầu hội nhập và xu hướng số hóa quản lý công. Trên cơ sở đó, dự báo bối cảnh thời gian tới và đề xuất nhóm giải pháp nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu cải cách hệ thống BHXH đến năm 2030 theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW và Nghị quyết số 42-NQ/TW.

• Từ khóa: *BHXH; BHTN; cải cách an sinh; chuyển đổi số; dữ liệu; quản trị quỹ; Nghị quyết 28-NQ/TW; Nghị quyết số 42-NQ/TW.*

After more than seven years of implementing Resolution No. 28-NQ/TW and two years of implementing Resolution 42-NQ/TW, reforms in social insurance (SI) and unemployment insurance (UI) have achieved significant structural progress, establishing a crucial foundation for the modernization of Vietnam's social protection system. Coverage has expanded with increasingly diverse participant groups; benefit settlement and payment have been ensured in a timely and lawful manner, thereby strengthening trust among workers and enterprises. Administrative reform and digital transformation have driven major advances in simplifying procedures and improving service quality. The integrated data system has enhanced evidence-based policymaking. Fund management and investment have been oriented toward safety and sustainability, while the organizational apparatus continues to be streamlined and professionalized. The article analyzes these achievements from institutional, governance, and operational perspectives; identifies key influencing factors such as population aging, labor market shifts, international integration requirements, and the digitalization of public administration. On this basis, it outlines future contextual trends and proposes policy solutions to ensure the successful completion of the comprehensive SI reform agenda by 2030 in accordance with Resolution No. 28-NQ/TW.

• Key words: *social insurance; unemployment insurance; social protection reform; digital transformation; data governance; fund management; resolution 28-NQ/TW; resolution 42-NQ/TW.*

Ngày nhận bài: 20/01/2026
Ngày gửi phản biện: 27/02/2026
Ngày duyệt đăng: 30/3/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i310.03

Mở đầu

Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách BHXH ra đời trong thời điểm Việt Nam bước vào giai đoạn chuyển đổi sâu sắc về cơ cấu dân số, mô hình tăng trưởng và cấu trúc thị trường lao động. Tốc độ già hóa nhanh, tỷ lệ lao động phi chính thức cao, sự dịch chuyển việc làm dưới tác động công nghệ số cùng sức ép hội nhập đặt ra yêu cầu cấp bách phải xây dựng hệ thống an sinh linh hoạt, bền vững và có tầm nhìn dài hạn. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết 28 xác lập định hướng chiến lược hình thành hệ thống BHXH đa tầng, hiện đại, hướng tới bao phủ toàn dân là một quyết sách mang ý nghĩa nền tảng cho phát triển an sinh xã hội Việt Nam. Tiếp theo đó, để khắc phục những hạn chế trong triển khai chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội, ngày 24/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 42- NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó tiếp tục đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng liên quan đến BHXH, BHTN.

Giai đoạn 2018 - 2025, hệ thống BHXH vận hành trong bối cảnh nhiều biến động. Đại dịch COVID-19 gây đứt gãy sản xuất kinh doanh và làm tái cấu trúc thị trường lao động, khiến hàng triệu người thiếu việc

** BHXH Việt Nam; email: sonlh@vss.gov.vn*

làm hoặc rời khu vực chính thức. Đây là phép thử đối với năng lực quản trị và tính bền vững của hệ thống an sinh. Tuy nhiên, ngành BHXH vẫn kiên định thực hiện lộ trình cải cách theo tinh thần Nghị quyết 28 và Nghị quyết số 42: mở rộng bao phủ, bảo đảm quyền lợi người lao động, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và từng bước xây dựng mô hình quản trị dựa trên dữ liệu lớn.

Một dấu mốc đặc biệt quan trọng là việc Quốc hội thông qua Luật BHXH (sửa đổi) năm 2024 và Luật Việc làm (sửa đổi) năm 2025. Hai đạo luật này cụ thể hóa Nghị quyết 28, Nghị quyết số 42 và hoàn thiện khung pháp lý cho hệ thống an sinh trong giai đoạn mới. Chính sách được điều chỉnh theo hướng linh hoạt hơn, tăng tính hấp dẫn đối với người lao động, nhất là nhóm phi chính thức; đồng thời mở rộng phạm vi bảo vệ thông qua thiết kế hợp lý các tầng an sinh. Việc bổ sung chế độ BHXH linh hoạt, cải tiến chính sách BHTN, củng cố hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi để thu hút và duy trì người tham gia.

Cùng với cải cách chính sách, tư duy quản trị của ngành BHXH có bước chuyển rõ nét: từ mô hình hành chính sang mô hình quản trị công hiện đại, dựa trên dữ liệu và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và kết nối liên thông với nhiều bộ, ngành đã giúp triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, giảm thời gian xử lý, cắt giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng.

Nhìn lại chặng đường vừa qua, có thể khẳng định Nghị quyết 28 và Nghị quyết số 42 không chỉ định hướng cải cách chính sách, mà còn thúc đẩy đổi mới toàn diện trong tổ chức thực thi, từ tư duy quản trị đến chất lượng phục vụ. Giai đoạn 2025 - 2030 sẽ tiếp tục đặt ra nhiều thách thức mới, song những thành quả đạt được đã củng cố niềm tin vào khả năng hiện thực hóa mục tiêu bao phủ BHXH toàn dân là một mục tiêu mang giá trị nhân văn sâu sắc và là trụ cột của phát triển bền vững trong thời kỳ mới.

2. Những thành tựu nổi bật giai đoạn 2018 - 2025

2.1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật - bước tiến lớn về thể chế

Giai đoạn 2018 - 2025 đánh dấu một bước phát triển sâu rộng của hệ thống BHXH Việt Nam khi khung pháp lý được hoàn thiện toàn diện nhất kể từ khi mô hình BHXH hiện đại hình thành. Việc ban hành Luật BHXH năm 2024 và Luật Việc làm năm 2025 đã thể chế hóa hầu hết nội dung cải cách theo Nghị quyết 28-NQ/TW, Nghị quyết số 42- NQ/TW, đồng thời tạo lập cấu trúc pháp lý thích ứng yêu cầu của thị trường lao động trong kỷ nguyên số và bối cảnh già hóa nhanh.

Đáng chú ý, phạm vi bao phủ được mở rộng mạnh sang khu vực phi chính thức, nhóm lao động đông đảo nhưng lâu nay nằm ngoài hệ thống. Việc đưa lao động linh hoạt, làm việc bán thời gian, lao động nền tảng số vào BHXH bắt buộc và BHTN thể hiện sự chủ động của chính sách trước biến đổi của kinh tế số, đồng thời thu hẹp khoảng trống an sinh kéo dài nhiều năm.

Hệ thống quyền lợi được điều chỉnh theo hướng nhân văn và bền vững hơn. Giảm số năm đóng tối thiểu để hưởng lương hưu, bổ sung chế độ thai sản cho người tham gia BHXH tự nguyện, quy định linh hoạt về bảo lưu thời gian đóng… đã tháo gỡ những rào cản lớn, khuyến khích người lao động gắn bó dài hạn. Đây là các bước đi phù hợp xu thế quốc tế về mô hình an sinh đa tầng, hỗ trợ nhóm lao động thu nhập bấp bênh tiếp cận bảo hiểm hưu trí.

Cùng với đó, hệ thống chế tài được hoàn thiện theo hướng nghiêm minh. Các quy định về xử lý hành vi trốn đóng, chậm đóng, chiếm dụng quỹ tạo khung pháp lý bảo vệ quyền lợi người lao động và nâng cao kỷ luật thị trường. Ứng dụng công nghệ trong giám sát đóng - hưởng và tăng cường thanh tra chuyên ngành giúp quá trình vận hành ngày càng chuyên nghiệp.

Các cải cách lần này thể hiện tính đồng bộ, tiệm cận thông lệ quốc tế, nhất là mô hình an sinh đa tầng của ILO, kết nối ba trụ cột BHXH - BHTN - trợ giúp xã hội. Quy định về việc làm bền vững, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp đặt nền móng cho chiến lược nhân lực chất lượng cao trong nền kinh tế xanh, kinh tế số. Nhìn tổng thể, giai đoạn này không chỉ sửa đổi văn bản mà còn định hình hệ thống an sinh mới bao trùm, hiện đại, tiến tới mục tiêu bao phủ toàn dân.

2.2. Tổ chức thực thi chính sách - chuyển động mạnh mẽ và đồng bộ

Trong giai đoạn này, BHXH Việt Nam chuyển trọng tâm từ hoàn thiện chính sách sang thực thi hiệu quả, tạo chuyển động đồng bộ của toàn bộ hệ thống.

(1) Mở rộng bao phủ đạt và vượt mục tiêu 2025

Bao phủ BHXH và BHTN tăng mạnh: BHXH bắt buộc tăng 31,2% so với 2018. BHXH tự nguyện tăng gần 10 lần, trở thành điểm sáng cải cách. BHTN tăng 34,9%, cho thấy vị trí ngày càng quan trọng trong bối cảnh lao động biến động.

Giai đoạn 2019 - 2022 đặc biệt ghi dấu sự bứt phá của BHXH tự nguyện nhờ cải thiện chính sách, truyền thông lan tỏa và nhu cầu tự bảo đảm an sinh của người dân trong thời kỳ kinh tế - xã hội nhiều biến động.

(2) Giải quyết chế độ - chất lượng phục vụ nâng cao

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn duy trì cao nhờ chuẩn hóa quy trình và liên thông dữ liệu. Trong đại dịch COVID-19, các gói hỗ trợ từ quỹ BHTN được triển khai kịp thời, minh bạch, giúp hàng triệu lao động và doanh nghiệp vượt qua khó khăn - khẳng định năng lực phản ứng nhanh của chính sách.

(3) Truyền thông - kiến tạo niềm tin xã hội

Hoạt động truyền thông chuyển từ tuyên truyền sang tạo dựng đồng thuận xã hội. Ba định hướng nổi bật gồm: (i) Nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị. (ii) Gắn kết Nhà nước - doanh nghiệp - người lao động, giảm nhiễu thông tin. (iii) Lan tỏa giá trị nhân văn của an sinh thông qua câu chuyện thực tế và truyền thông đa phương tiện. Nhờ đó, hình ảnh BHXH Việt Nam trở nên gần gũi, chuyên nghiệp và đáng tin cậy hơn.

(4) Cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số - nền tảng hiện đại hóa

Cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số đã tạo nền tảng quan trọng cho quản trị hiện đại. Hệ thống dữ liệu quốc gia về BHXH liên thông rộng rãi; dịch vụ công trực tuyến đạt mức cao; ứng dụng VssID trở thành công cụ quen thuộc của người dân. Thanh toán không dùng tiền mặt, tiếp nhận - trả kết quả trực tuyến giúp tiết kiệm thời gian, chi phí, tăng tính minh bạch.

(5) Thanh tra - kiểm tra: Tăng kỷ luật, bảo vệ quỹ an sinh

Thanh tra chuyển sang mô hình phân tích dữ liệu và giám sát từ xa. Nhiều hành vi trốn đóng, chậm đóng, chi sai chế độ được phát hiện, xử lý kịp thời, góp phần bảo vệ quỹ và quyền lợi người lao động.

(6) Đầu tư quỹ BHXH, BHTN - an toàn, minh bạch

Đầu tư quỹ tuân thủ nguyên tắc an toàn vốn, ưu tiên trái phiếu Chính phủ - kênh ổn định nhất. Quản trị rủi ro và kiểm toán độc lập được tăng cường, bảo đảm minh bạch và niềm tin xã hội với quỹ an sinh.

(7) Mức độ hài lòng - thước đo cải cách

Khảo sát độc lập cho thấy mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp tăng đều nhiều năm liền, phản ánh hiệu quả thực chất của cải cách và chất lượng phục vụ ngày càng thân thiện.

(8) Kiện toàn tổ chức bộ máy - tinh gọn, hiệu quả

Tổ chức bộ máy được sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm chồng chéo và quy trách nhiệm rõ ràng theo nguyên tắc "một việc - một đầu mối". Ở cấp trung ương, việc kiện toàn theo chỉ đạo của Bộ Tài chính mở ra mô hình quản trị tiệm cận chuẩn quốc tế, đáp ứng xu hướng hiện đại hóa an sinh.

3. Bối cảnh và dự báo tác động đến cải cách trong giai đoạn tới

Giai đoạn 2026 - 2030 mở ra thời đoạn mới của cải cách BHXH, khi kinh tế - xã hội thế giới biến động nhanh và khó dự báo hơn trước. Những thách thức về địa chính trị, thị trường lao động và ổn định vĩ mô khiến hệ thống BHXH Việt Nam phải chuyển mình linh hoạt, vững vàng cả về tư duy quản trị và năng lực thích ứng.

Trước hết, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, dịch chuyển chuỗi cung ứng và sự bất định về dòng vốn khiến việc làm và thu nhập của người lao động trở nên nhạy cảm hơn. Các ngành phụ thuộc xuất khẩu dễ tổn thương, trong khi tự động hóa và chuyển đổi xanh làm thay đổi mạnh cấu trúc nhu cầu lao động. Những ngành nghề mới xuất hiện nhanh buộc chính sách BHXH phải mở rộng bao phủ, cập nhật chuẩn tham gia và bảo vệ phù hợp với mô hình việc làm phi truyền thống.

Thứ hai, biến động tài chính toàn cầu và lạm phát tạo sức ép lớn lên hoạt động đầu tư quỹ BHXH. Lãi suất lên xuống thất thường, rủi ro suy thoái tại nhiều nền kinh tế lớn có thể ảnh hưởng đến lợi suất đầu tư - trụ cột tài chính của hệ thống. Trong bối cảnh đó, quản trị quỹ cần tăng năng lực phân tích rủi ro, đa dạng hóa danh mục trong khuôn khổ pháp luật và củng cố dự báo dài hạn nhằm bảo đảm an toàn và bền vững.

Thứ ba, già hóa dân số nhanh là thách thức mang tính cấu trúc. Chi trả hưu trí tăng mạnh, tương quan giữa người đóng - người hưởng bị thu hẹp dần. Điều này đòi hỏi chính sách khuyến khích người dân tham gia sớm, đóng dài hơn, đồng thời mở rộng các hình thức chăm sóc dài hạn phù hợp với nhu cầu mới của xã hội già hóa.

Thứ tư, thị trường lao động thay đổi sâu sắc với sự gia tăng của lao động tự do, lao động nền tảng số và các dạng việc làm linh hoạt. Tính ổn định trong tham gia BHXH giảm, trong khi lao động phi chính thức vẫn ở mức cao. Vì vậy, hệ thống cần cơ chế thu linh hoạt, mức đóng phù hợp thu nhập gián đoạn và các gói bảo hiểm thiết kế theo chu kỳ lao động.

Cuối cùng, di chuyển lao động quốc tế tăng mạnh mở ra cơ hội hội nhập nhưng cũng đòi hỏi năng lực phối hợp quốc tế cao hơn. Việc mở rộng các hiệp định về an sinh xã hội sẽ giúp bảo đảm quyền lợi người lao động di cư và thu hút nhân lực quốc tế một cách bền vững.

Nhìn chung, giai đoạn 2026 - 2030 không chỉ là chặng tiếp nối, mà là thời kỳ định hình mô hình an sinh hiện đại, nhân văn và thích ứng, hướng đến mục tiêu bao phủ toàn dân trong bối cảnh biến động lớn của thời đại.

4. Giải pháp và khuyến nghị đến năm 2030

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội chuyển động nhanh và phức tạp, việc hoàn thiện hệ thống an sinh, đặc biệt là BHXH và BHTN, đòi hỏi tư duy cải cách toàn diện, dựa trên khoa học và thực tiễn quản trị hiện đại. Để hướng tới hệ thống bền vững, bao trùm và thích ứng cao, có thể tập trung vào chín nhóm giải pháp chủ đạo.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện chính sách và pháp luật theo hướng mở rộng bao phủ toàn dân, bảo đảm minh bạch, nhất quán và hài hòa lợi ích các bên. Chính sách cần đủ linh hoạt để theo kịp sự biến đổi của thị trường lao động, sự nổi lên của lao động nền tảng số, kinh tế gig và nhu cầu bảo vệ nhóm phi chính thức, song vẫn giữ nguyên tắc đóng - hưởng và bảo đảm cân đối lâu dài.

Thứ hai, đổi mới quản lý thu theo hướng chuẩn hóa, hiện đại và chủ động. Ứng dụng dữ liệu lớn, phân tích hành vi và mô hình dự báo sẽ giúp nhận diện nhóm tiềm năng, giảm thất thoát và hạn chế nợ đọng. Việc đồng bộ hóa dữ liệu dân cư, thuế và lao động là then chốt để mở rộng nhanh diện bao phủ.

Thứ ba, nâng cao chất lượng giải quyết chế độ, đặt trọng tâm vào tính chính xác, kịp thời và sự thân thiện với người dân. Song song đó là tăng cường phòng chống gian lận, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và áp dụng công nghệ để nhận diện bất thường, bảo vệ an toàn quỹ.

Thứ tư, chuyên nghiệp hóa truyền thông theo hướng tương tác đa chiều và dựa trên dữ liệu. Việc phân loại nhóm đối tượng, lựa chọn thông điệp và kênh phù hợp sẽ giúp người dân tiếp cận dễ dàng, hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ, từ đó xây dựng niềm tin vào hệ thống.

Thứ năm, cải cách thủ tục hành chính gắn với số hóa toàn diện. Mô hình "một cửa" hiện đại, giảm giấy tờ, tích hợp dịch vụ và liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ nâng cao trải nghiệm của người dùng và hiệu quả vận hành.

Thứ sáu, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu, quản trị quỹ và hoạch định chính sách. Đây là trụ cột nâng đỡ khả năng thích ứng của hệ thống trong thời đại kinh tế số và già hóa dân số.

Thứ bảy, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái an sinh xã hội số với các dịch vụ cá nhân hóa, chủ động và thông minh. Hồ sơ an sinh điện tử suốt đời sẽ tạo nền tảng cho quản trị minh bạch và tối ưu hóa chi phí xã hội.

Thứ tám, tăng cường năng lực dự báo tài chính quỹ trên cơ sở mô hình dài hạn, đa kịch bản và phân tích rủi ro. Cùng với đó là chiến lược đầu tư an toàn, hiệu quả, phù hợp chuẩn mực quốc tế, mở rộng danh mục trong khuôn khổ pháp luật nhưng kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

Thứ chín, mở rộng hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao quản trị và tham gia sâu hơn vào các hiệp định công nhận lẫn nhau về BHXH, qua đó bảo đảm quyền lợi lao động di cư và củng cố vị thế Việt Nam trong mạng lưới an sinh khu vực.

Nhìn tổng thể, giai đoạn đến năm 2030 đòi hỏi một tầm nhìn cải cách dài hạn, gắn với xu thế toàn cầu, song vẫn phù hợp với thực tiễn Việt Nam, hướng tới một hệ thống BHXH bền vững, nhân văn và bao trùm cho mọi người dân.

Kết luận

Giai đoạn 2018 - 2025 đánh dấu bước ngoặt trong cải cách an sinh xã hội khi Nghị quyết 28-NQ/TW, Nghị quyết 42-NQ/TW được triển khai bằng những đổi mới toàn diện về chính sách và quản trị BHXH. Kết quả đạt được khẳng định hướng đi đúng đắn và khả năng thích ứng của hệ thống trước biến động kinh tế - xã hội. Việc mở rộng bao phủ, nâng cao chất lượng phục vụ, cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh chuyển đổi số đã tạo dựng một mô hình BHXH hiện đại hơn, minh bạch hơn, đặt nền tảng cho mục tiêu bao phủ toàn dân vào năm 2030.

Trong giai đoạn mới, thách thức ngày càng lớn: già hóa dân số tăng tốc, thị trường lao động phi truyền thống mở rộng, cạnh tranh nhân lực khu vực gay gắt và bất định kinh tế, địa chính trị gia tăng. BHXH và BHTN vì vậy vừa giữ vai trò trụ cột an sinh, vừa là công cụ nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế và bảo vệ người lao động trước rủi ro.

Để đáp ứng yêu cầu đó, hệ thống cần bảo đảm bền vững tài chính, hiện đại hóa quản trị và tăng cường ứng dụng công nghệ. Trọng tâm gồm: hoàn thiện năng lực phân tích, dự báo, mở rộng dữ liệu số, siết chặt quản trị rủi ro, tối ưu hóa đầu tư quỹ và phát triển văn hóa phục vụ lấy người dân làm trung tâm. Cân đối dài hạn quỹ BHXH là điều kiện quyết định cho sự ổn định của toàn hệ thống.

Đồng thời, mở rộng bao phủ cần sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, doanh nghiệp và cộng đồng, đặc biệt trong việc tiếp cận nhóm lao động phi chính thức là lực lượng ngày càng đóng vai trò quan trọng của nền kinh tế. Khi chính sách vươn tới mọi nhóm đối tượng, mục tiêu "không ai bị bỏ lại phía sau" mới trở thành hiện thực.

Nhìn lại, giai đoạn 2018 - 2025 đã tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của hệ thống BHXH. Chặng đường đến 2030 đòi hỏi sự kiên định cải cách, tăng cường hiện đại hóa và giữ vững tính bền vững quỹ. Một hệ thống BHXH hoàn thiện sẽ tiếp tục là điểm tựa của người lao động và lá chắn kinh tế trước những biến động của thời đại.

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2018), Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023), Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới

Quốc hội (2014), Luật Bảo hiểm xã hội. Quốc hội (2024), Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).

Quốc hội (2013), Luật Việc làm. Quốc hội (2025), Luật Việc làm (sửa đổi).

Chính phủ (2015), Nghị định số 115/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH.

Chính phủ (2020), Nghị định số 143/2018/NĐ-CP về BHXH bắt buộc đối với lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Chính phủ (2023), Nghị định số 105/2023/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH, đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2019-2024), Niên giám thống kê BHXH Việt Nam các năm.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2023), Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2024), Báo cáo chuyển đổi số ngành BHXH.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2023), Báo cáo thị trường lao động Việt Nam.

Tổng cục Thống kê (2020-2024), Báo cáo điều tra lao động - việc làm các năm.

Bộ Tài chính (2024), Báo cáo đánh giá an toàn tài chính quỹ BHXH và BHTN.

Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2022), Dự báo xu hướng thị trường lao động giai đoạn 2022-2030.

Viện Chiến lược và Chính sách Y tế (2023), Tác động của già hóa dân số đến hệ thống an sinh xã hội Việt Nam.

Trần Thị Lan Hương (2021), Cải cách BHXH ở Việt Nam: Thách thức và triển vọng, Tạp chí Kinh tế & Phát triển.

Nguyễn Thị Minh & cộng sự (2022), BHXH tự nguyện tại Việt Nam: Động lực và rào cản tham gia, Tạp chí Lao động - Xã hội.

International Labour Organization - ILO (2023), Social Protection Monitor: Global Trends.

World Bank (2019), Vietnam Social Protection System Review.